

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về Nghị quyết Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa 15;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính năm 2025.

Căn cứ Nghị quyết số 1658/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bắc Ninh năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi);

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 233/TTr-STC ngày 20 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể như sau:

1. Tên nội dung: Lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Mục tiêu điều chỉnh quy hoạch tỉnh

- Xác định rõ các nội dung trọng tâm cần điều chỉnh trong quy hoạch tỉnh để lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh;

- Trên cơ sở Quy hoạch các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh trước hợp nhất đã được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt, tập trung triển khai lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đảm bảo tính đồng bộ, khả thi và phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp, định hình lại không gian và xây dựng phương án phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội góp phần xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030.

3. Nội dung điều chỉnh quy hoạch tỉnh

- Điều chỉnh về phạm vi, ranh giới Quy hoạch tỉnh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Nghị quyết số 1658/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bắc Ninh năm 2025.

- Phân tích, đánh giá các yếu tố về điều kiện tự nhiên, các điều kiện đặc thù và dự báo về các yếu tố phát triển.

- Rà soát, đánh giá thực hiện quy hoạch và phân tích thực trạng phát triển kinh tế - xã hội; hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn; hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; hiện trạng sử dụng đất; hiện trạng môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên và đa dạng sinh học của tỉnh Bắc Ninh sau hợp nhất.

- Xác định quan điểm, mục tiêu, phương án phát triển.

- Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh.
- Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội.
- Phương án phát triển hệ thống đô thị và nông thôn; các khu chức năng.
- Phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật.
- Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội.
- Định hướng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.
- Phương hướng bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.
- Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng, tài nguyên trên địa bàn tỉnh.
- Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.
- Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.
- Xác định danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện.
- Giải pháp, nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch tỉnh.
- Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch.
- Các nội dung khác (nếu có).

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

4. Sản phẩm, tiến độ lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh

a) Sản phẩm: Hồ sơ lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về Quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí từ nguồn lực hỗ trợ của tổ chức, cá nhân bằng sản phẩm là hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 3a Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11/02/2025 của Chính phủ).

c) Tiến độ lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh: Theo Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 17/10/2025 của UBND tỉnh về Kế hoạch triển khai lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong năm 2025. Trường hợp tiến độ lập điều chỉnh quy hoạch không đáp ứng yêu cầu tại Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 17/10/2025 của UBND tỉnh, Sở Tài chính báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định nhưng không vượt quá thời hạn lập quy hoạch theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 và Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11/02/2025 của Chính phủ).

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan lập điều chỉnh quy hoạch của tỉnh theo các nội dung cần điều chỉnh trong quyết định này; đảm bảo tiến độ, chất lượng và tuân thủ quy định của pháp luật.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Đảng uỷ UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, các phòng;
- Lưu: VT, THĐT_{Minh}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Thịnh

PHỤ LỤC

Nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm
2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH

Thực hiện Nghị quyết 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, Nghị quyết số 1658/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bắc Ninh năm 2025, tỉnh Bắc Ninh (mới) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025.

Thực hiện Thông báo số 412/TB-VPCP ngày 11/8/2025 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại cuộc họp về đánh giá tình hình, tiến độ, kết quả thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp từ ngày 01/7/2025 đến nay, trong đó yêu cầu: *“Khẩn trương rà soát, điều chỉnh quy hoạch của các tỉnh, thành phố phù hợp với địa giới hành chính mới và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, nhằm phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng. Việc điều chỉnh quy hoạch phải thực hiện chặt chẽ theo quy định nhưng không được chậm trễ, làm gián đoạn các chương trình, kế hoạch phát triển đang được triển khai trên địa bàn; hoàn thành trước ngày 31/12/2025”*.

Tỉnh Bắc Ninh (mới) hiện đang áp dụng 02 quy hoạch tỉnh gồm: Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022, điều chỉnh tại Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 28/10/2024; Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 và được điều chỉnh tại Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh. Việc thành lập tỉnh Bắc Ninh (mới) đã tạo ra không gian mới, động lực mới, thời cơ phát triển mới. Các mục tiêu, quan điểm, định hướng, phương án tổ chức không gian phát triển đã được xác định trong quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt không còn phù hợp. Bên cạnh đó, với việc tồn tại đồng thời quy hoạch của 02 tỉnh (cũ) dẫn đến những khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, việc thực hiện sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp tỉnh cùng với định hướng phát triển trong kỷ nguyên mới đã đặt ra yêu cầu khách quan về điều chỉnh quy hoạch tỉnh.

Như vậy, việc lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh không chỉ là yêu cầu, đòi hỏi khách quan mà là nhiệm vụ cấp thiết cần triển khai thực hiện nhằm bảo đảm cho quy hoạch đã được phê duyệt phù hợp với tình hình thực tiễn, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước để phát triển tỉnh trong giai đoạn tiếp theo.

II. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Cơ sở chính trị

- Kết luận số 123-KL/TW, ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về Đề án bổ sung về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên;

- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Kết luận số 167-KL/TW ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ chính trị, Ban Bí thư về chủ trương thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính, đưa vào hoạt động đồng thời cấp tỉnh, cấp xã từ ngày 01/7/2025;

- Kết luận của Bộ Chính trị tại Công văn số 15902-CV/VPTW ngày 06 tháng 7 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

- Nghị quyết 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật ngày 29 tháng 11 năm 2024;

- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;
- Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;
- Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về Nghị quyết Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa 15;
- Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính năm 2025.
- Nghị quyết số 1658/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bắc Ninh năm 2025;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;
- Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi);
- Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 28/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Lập Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải bảo đảm phù hợp, thống nhất, đồng bộ, kế thừa Quy hoạch cấp

quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh (trước hợp nhất) đã được phê duyệt. Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phải thể hiện rõ quan điểm phát triển thống nhất, định hướng đột phá và tổ chức, sắp xếp lại không gian phát triển kinh tế - xã hội hiệu quả. Nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phải bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, hướng tới mục tiêu tăng trưởng kinh tế đạt mức hai con số trong giai đoạn 2026-2030 và trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

- Cụ thể hóa các mục tiêu, định hướng của điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia, điều chỉnh quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng ở cấp tỉnh về định hướng phát triển không gian, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bổ đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, chiến lược, lâu dài của hệ thống quy hoạch.

- Cụ thể hóa các chủ trương quan trọng, định hướng chiến lược của Đảng tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị¹. Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển, nhiệm vụ và giải pháp để đẩy nhanh việc thực hiện các khâu đột phá về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gắn với mục tiêu tăng trưởng 2 con số.

- Tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh thống nhất, hiệu quả trên cơ sở kết nối đồng bộ hệ thống hạ tầng, gắn với khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên; phát triển các ngành, các vùng kinh tế - xã hội trong tỉnh có tính trọng tâm, trọng điểm gắn với việc huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- Làm cơ sở để xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; quản lý và thu hút đầu tư, đẩy nhanh các khâu đột phá chiến lược về phát triển hạ tầng; đồng thời loại bỏ các điểm nghẽn, hạn chế cản trở đầu tư phát triển trên địa bàn toàn tỉnh; cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm công khai minh bạch, công bằng trong huy động, tiếp cận cũng như phát huy tối đa các nguồn lực, nhất là nguồn lực của khu vực kinh tế tư nhân trong hoạt động đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội - môi trường.

- Làm rõ vị trí, vai trò, chức năng của tỉnh Bắc Ninh trong vùng Đồng bằng sông Hồng, trong tổng thể quốc gia, gắn với mục tiêu phát triển nhanh, xanh, bao trùm, tăng trưởng hai con số.

¹ Gồm: Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân

- Xác định, điều chỉnh, bổ sung quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu phát triển, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xác định, điều chỉnh và đề xuất phương hướng, giải pháp phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng; phương án phát triển, phân bổ nguồn lực; phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng, khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đảm bảo đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng.

IV. PHẠM VI, YÊU CẦU LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH

1. Phạm vi lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh

Là toàn bộ không gian tỉnh Bắc Ninh mới sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh với diện tích tự nhiên 4.718,6 km², gồm 99 đơn vị hành chính cấp xã. Ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch như sau:

- Phía Bắc giáp với tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Thái Nguyên;
- Phía Nam giáp với tỉnh Hưng Yên, thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh;
- Phía Tây giáp với tỉnh Thái Nguyên và Thủ đô Hà Nội;
- Phía Đông giáp với tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Quảng Ninh.

2. Yêu cầu lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh

- Bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về quy hoạch; phù hợp với phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và đảm bảo tính kế thừa, cập nhật và điều chỉnh có chọn lọc các nội dung còn phù hợp của Quy hoạch tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh trước hợp nhất đã được phê duyệt.

- Gắn kết chặt chẽ với quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng; đồng thời, bảo đảm tính liên kết, thống nhất và đồng bộ với các quy hoạch khác.

- Phản ánh đầy đủ các xu thế phát triển mới; đảm bảo tính khả thi, có luận chứng khoa học, thực tiễn rõ ràng.

V. NỘI DUNG LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH

1. Yêu cầu về dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh

Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển của tỉnh Bắc Ninh trong thời kỳ quy hoạch cần phải đáp ứng những yêu cầu chính sau đây:

- Phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; các định hướng phát triển được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng về phát triển nhanh và bền vững, đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ và khai thác các nguồn tài nguyên.
- Đảm bảo khoa học từ việc thu thập, xử lý số liệu, sử dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp đối với từng nội dung dự báo của các ngành/lĩnh vực.
- Xây dựng kịch bản phát triển phù hợp với xu hướng phát triển của quốc gia và vùng, đồng thời phải gắn với các định hướng lớn, đột phá của Đảng và Nhà nước như các Nghị quyết đột phá của Bộ Chính trị, việc mở rộng không gian phát triển sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp hướng đến mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2026-2030.

2. Nội dung chính của lập điều chỉnh quy hoạch

Trên cơ sở thực tiễn rà soát, đánh giá thực hiện quy hoạch của 02 tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh trước hợp nhất đã được phê duyệt và các quy định tại Luật Quy hoạch 2017, Luật Quy hoạch (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn, nội dung chính của lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được xác định cụ thể như sau:

(1) Nội dung 1: Phân tích, đánh giá các yếu tố về điều kiện tự nhiên, các điều kiện đặc thù và dự báo về các yếu tố phát triển

- Phân tích, tổng hợp đánh giá về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên:
 - + Đánh giá tổng quan về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của Bắc Ninh (về vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; khí hậu, thủy văn).
 - + Phân tích khả năng khai thác sử dụng hợp lý vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, những lợi thế và bất lợi thế đối với sự phát triển phát triển kinh tế - xã hội của Bắc Ninh.
- Phân tích, tổng hợp đánh giá về điều kiện xã hội.
 - + Đánh giá tổng quan về quy mô, độ tuổi dân số; phân tích tốc độ tăng tự nhiên và xu hướng di cư thuần của Bắc Ninh.
 - + Đánh giá về đặc trưng văn hoá, của người dân. Phân tích các tác động của văn hoá, đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Bắc Ninh.
 - + Mức độ thụ hưởng về điều kiện xã hội của Bắc Ninh so sánh với các tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước.
- Phân tích, tổng hợp đánh giá điều kiện về tài nguyên thiên nhiên: Phân tích, đánh giá tiềm năng tài nguyên thiên nhiên cho phát triển.
- Phân tích, đánh giá vị thế, vai trò của Bắc Ninh đối với vùng, quốc gia:
 - + Vị thế phát triển của Bắc Ninh trong cả nước: Trên cơ sở so sánh các chỉ tiêu hiện nay của Bắc Ninh so với cả nước, đánh giá vị thế phát triển của tỉnh.

+ Phân tích, đánh giá vị trí, vai trò của tỉnh đối với các tỉnh, thành phố trong vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước về kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng trong giai đoạn 2021-2025 và xác định vị trí, vai trò của tỉnh trong quy hoạch tổng thể của vùng, cả nước.

- Các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển tỉnh:

+ Các yếu tố quốc tế: Bối cảnh và định hướng phát triển của khu vực, các Hiệp định thương mại tự do (FTAs) có liên quan đến thị trường cho các sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh; bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh... tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

+ Các yếu tố quốc gia: Bối cảnh mới và định hướng lớn của quốc gia liên quan đến hội nhập quốc tế, các động lực, mô hình tăng trưởng mới, năng lực cạnh tranh, vị thế quốc gia trong khu vực và thế giới đặt ra các yêu cầu đối với phát triển tỉnh.

+ Các yếu tố vùng: Bối cảnh mới và định hướng lớn của vùng Đồng bằng sông Hồng đặt ra các yêu cầu phát triển đối với tỉnh.

+ Các yếu tố tác động từ các tỉnh, khu vực lân cận: Nhu cầu và thực trạng liên kết phát triển, giải quyết các mâu thuẫn phát triển giữa tỉnh và các địa phương lân cận.

(2) Nội dung 2: Rà soát, đánh giá thực hiện quy hoạch và phân tích thực trạng phát triển kinh tế - xã hội; hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn; hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; hiện trạng sử dụng đất; hiện trạng môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên và đa dạng sinh học của tỉnh Bắc Ninh sau hợp nhất

- Rà soát, đánh giá và phân tích thực trạng phát triển kinh tế và thực trạng phát triển các ngành kinh tế; khả năng huy động nguồn lực của tỉnh;

- Rà soát, phân tích, tổng hợp đánh giá thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực xã hội của tỉnh.

- Rà soát, đánh giá thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian đô thị và nông thôn, các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Đánh giá tiềm năng đất đai và hiện trạng sử dụng đất của tỉnh Bắc Ninh.

- Đánh giá hiện trạng môi trường; việc quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; đánh giá về các tác động của thiên tai và quá trình biến đổi khí hậu tác động đến tỉnh trong thời gian gần đây, việc ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

- Tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh trước hợp nhất đã được phê duyệt.

- Xác định những tồn tại, hạn chế cần giải quyết; phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức.

(3) Nội dung 3: Xác định quan điểm, mục tiêu, phương án phát triển

- Xây dựng quan điểm phát triển tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Xây dựng kịch bản và lựa chọn phương án phát triển tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050
- Xác định mục tiêu phát triển (mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể) đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Xác định các nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết và các khâu đột phá của tỉnh giai đoạn 2026-2030.

(4) Nội dung 4: Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh

- Xác định rõ định hướng phát triển các ngành kinh tế, định hướng ưu tiên phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.
- Phương án sắp xếp và tổ chức không gian phát triển ngành quan trọng của tỉnh.
- Giải pháp phát triển các ngành quan trọng của tỉnh.

(5) Nội dung 5: Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

- Bố trí không gian các công trình, dự án quan trọng, các vùng bảo tồn đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh.
- Xây dựng phương án kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh với hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia và vùng.
- Xây dựng phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, xác định khu vực khuyến khích phát triển và khu vực hạn chế phát triển.
- Đề xuất phương án tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian.
- Lựa chọn phương án sắp xếp không gian phát triển và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường.

(6) Nội dung 6: Phương án phát triển hệ thống đô thị và nông thôn; các khu chức năng

- Phương án phát triển hệ thống đô thị và nông thôn; phương án phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp; phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; khu công nghệ cao, khu du lịch, khu thể dục thể thao, khu nghiên cứu, đào tạo; phương án phát triển khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích;
- Xác định khu quân sự, an ninh.
- Phương án phát triển những khu vực có vai trò động lực, những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn.

(7) Nội dung 7: Phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật

Phương án phát triển mạng lưới giao thông, mạng lưới cấp điện, cơ sở hạ tầng viễn thông, công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước, thoát nước, khu xử lý chất thải, nghĩa trang, hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và hạ tầng kỹ thuật khác.

(8) Nội dung 8: Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội

Phương án phát triển hạ tầng thương mại, hạ tầng y tế, hạ tầng giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, hạ tầng các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch, hạ tầng các cơ sở trợ giúp xã hội và hạ tầng xã hội khác;

(9) Nội dung 9: Định hướng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh

- Định hướng sử dụng đất theo không gian và chức năng sử dụng đất theo chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực đã được xác định; bảo đảm nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, phù hợp với tiềm năng đất đai của địa phương; phát huy hiệu quả nguồn lực đất đai để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; đáp ứng yêu cầu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, bảo đảm kết nối không gian phát triển liên ngành, liên vùng, các hành lang kinh tế và các vùng động lực phát triển; quỹ đất đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục, y tế, xã hội, văn hoá, thể dục, thể thao và nhà ở xã hội

- Lập sơ đồ định hướng quy hoạch sử dụng đất.

(10) Nội dung 10: Phương hướng bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Xây dựng nguyên tắc và cơ chế phối hợp thực hiện biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh;

- Phương án về phân vùng môi trường theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia;

- Xác định mục tiêu, chỉ tiêu bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh; xác định tên gọi, vị trí địa lý, quy mô diện tích, mục tiêu, tổ chức và biện pháp quản lý đối với các khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh;

- Phương án về vị trí, quy mô, loại hình chất thải, công nghệ dự kiến, phạm vi tiếp nhận chất thải để xử lý của các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia trên địa bàn tỉnh;

- Phương án về điểm, thông số, tần suất quan trắc chất lượng môi trường đất, nước, không khí quốc gia, liên tỉnh và tỉnh đã được định hướng trong quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia;

- Phương án phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Phương án sắp xếp, phân bố không gian các khu nghĩa trang, khu xử lý chất thải.

(11) Nội dung 11: Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng, tài nguyên trên địa bàn tỉnh

- Phân vùng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

- Khoanh định khu vực mỏ, loại tài nguyên khoáng sản cần thăm dò, khai thác.

(12) Nội dung 12: Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

- Phân vùng chức năng của nguồn nước; xác định tỷ lệ, thứ tự ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước; xác định nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt; xác định hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước; xác định công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước;

- Xác định các giải pháp bảo vệ nguồn nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm hoặc bị suy thoái, cạn kiệt để bảo đảm chức năng của nguồn nước; xác định hệ thống giám sát chất lượng nước, giám sát xả nước thải vào nguồn nước;

- Đánh giá tổng quát hiệu quả và tác động của biện pháp phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra hiện có; xác định các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động phòng, chống, khắc phục, cảnh báo, dự báo và giảm thiểu tác hại do nước gây ra.

(13) Nội dung 13: Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh

- Phân vùng rủi ro đối với từng loại hình thiên tai trên địa bàn.

- Xây dựng nguyên tắc và cơ chế phối hợp thực hiện biện pháp quản lý rủi ro thiên tai.

- Xây dựng phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

(14) Nội dung 14: Xác định danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện

- Xây dựng tiêu chí xác định dự án dự kiến ưu tiên thực hiện của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch;

- Lập danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện của tỉnh.

(15) Nội dung 15: Giải pháp, nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch tỉnh.

Xác định các giải pháp, nguồn lực để thực hiện điều chỉnh quy hoạch tỉnh.

(16) Nội dung 16: Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ

Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo quy định.

(17) Nội dung 17: Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch

Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh trên cơ sở các quy định, hướng dẫn tại Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 và Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11/02/2025 của Chính phủ; Thông tư số 04/2023/TT-BKHĐT ngày 26/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn yêu cầu nội dung và kỹ thuật của cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và các hướng dẫn có liên quan.

(18) Nội dung 18: Các nội dung khác (nếu có)

Trong quá trình lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh, các nội dung khác (nếu có) cần phải điều chỉnh để đảm bảo phù hợp với các nội dung cần điều chỉnh nêu trên giao cơ quan lập điều chỉnh quy hoạch chủ động phối hợp với đơn vị tư vấn và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện và báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

VI. HỒ SƠ SẢN PHẨM LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

Hồ sơ sản phẩm lập Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 bao gồm:

1. Quyết định phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

2. Báo cáo thuyết minh tổng hợp Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Bảo đảm hình thức, bố cục phù hợp và trình bày đầy đủ các nội dung theo quy định hiện hành của pháp luật về quy hoạch.

3. Báo cáo tóm tắt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Trình bày ngắn gọn, rõ ràng, đủ thông tin, thể hiện được các nội dung quan trọng của Báo cáo tổng hợp Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

4. Hệ thống sơ đồ, bản đồ Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh: Các sơ đồ, bản đồ bảo đảm tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành về bố cục trình bày, ký hiệu, tỷ lệ...; đảm bảo theo quy định tại hiện hành của pháp luật về quy hoạch và các quy định có liên quan; bao gồm:

- Sơ đồ thành lập ở tỷ lệ 1:50.000: Sơ đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh.
- Sơ đồ, bản đồ thành lập ở tỷ lệ 1:100.000:
- + Các bản đồ về hiện trạng phát triển;

- + Sơ đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng;
- + Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn;
- + Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng;
- + Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội;
- + Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật;
- + Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất;
- + Sơ đồ, bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên;
- + Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu;
- + Các sơ đồ, bản đồ chuyên đề.

5. Hệ thống cơ sở dữ liệu quy hoạch

Thể hiện nội dung của điều chỉnh quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch theo quy định.

6. Các tài liệu có liên quan

Các tài liệu khác liên quan đến quá trình lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo quy định.

7. Số lượng hồ sơ sản phẩm lập điều chỉnh

Sau khi hoàn thiện hồ sơ Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đơn vị tư vấn nộp Chủ đầu tư sản phẩm cuối cùng, gồm hồ sơ in và file mềm với số lượng cụ thể như sau:

TT	Sản phẩm	Số lượng	Ghi chú
1	Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	10 bộ và file số	01 USB lưu toàn bộ file số của hồ sơ sản phẩm
2	Báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh quy hoạch tỉnh	10 bộ và file số	
3	Báo cáo tóm tắt điều chỉnh quy hoạch tỉnh	10 bộ và file số	
4	Hệ thống sơ đồ, bản đồ điều chỉnh quy hoạch tỉnh	File số	
5	Hệ thống cơ sở dữ liệu điều chỉnh quy hoạch tỉnh	File số	
6	Các báo cáo nội dung đề xuất tích hợp trong điều chỉnh quy hoạch tỉnh	05 bộ và file số	
7	Các tài liệu có liên quan	10 bộ và file số	